TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10-TP. HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1141**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 6 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Dựa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Trung

2/ Bà Phạm Thị Hồng Lài

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 569/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2020/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị Thúy K**, sinh năm 1980

Nơi thường trú: Ấp A1, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp A2, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1977;

Nơi thường trú và cư trú: Ấp A1, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Lê Thị Thúy K trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 230 ngày 26/12/2002 và Trích lục kết hôn số 1476/TLKH-BS đăng ký ngày 09/9/2017. Do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn trong cuộc sống và công việc, tính cách hai người

không giống nhau, không thể hàn gắn được. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn T có 02 (hai) con chung đã trưởng thành là Nguyễn Lê Thúy N, sinh năm 2002 và Nguyễn Lê Ngọc P, sinh năm 2004.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lê Thị Thúy K nộp Tòa án đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai, Biên bản không thể tiến hành hòa giải được, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông thừa nhận ông và bà Lê Thị Thúy K chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 230 ngày 26/12/2002 và Trích lục kết hôn số 1476/TLKH-BS đăng ký ngày 09/09/2017. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận. Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do có sự bất đồng trong quan điểm sống và tính cách, không còn tiếng nói chung. Tình trạng mâu thuẫn kéo dài khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt và không còn tiếp tục muốn chung sống với nhau.

Nay ông xác định không còn tình cảm với bà Lê Thị Thúy K, do giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên ông đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Thúy K. Đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ông trong quá trình giải quyết vụ án.

Về con chung: Ông và bà Lê Thị Thúy K có 02 (hai) con chung đã trưởng thành là Nguyễn Lê Thúy N, sinh năm 2002 và Nguyễn Lê Ngọc P, sinh năm 2004.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lê Thị Thúy K và bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Thúy K khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại xã T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị Thúy K và bị đơn ông Nguyễn Văn T đều vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 230 ngày 26/12/2002 và Trích lục kết hôn số 1476/TLKH-BS đăng ký ngày 09/9/2017 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp, có cơ sở xác định bà Lê Thị Thúy K và ông Nguyễn Văn T xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà K giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Ông T có bản tự khai, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đồng thời xác nhận quá trình chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung theo trình bày của bà K là đúng và đồng ý ly hôn do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân, không còn khả năng hàn gắn.

Xét thấy, các đương sự đều thừa nhận tình trạng hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; ông T cũng thống nhất với yêu cầu ly hôn của bà K. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà K và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy K, cho bà K được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[2.2] Về con chung: Bà Lê Thị Thúy K và ông Nguyễn Văn T thống nhất xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Lê Thúy N, sinh năm 2002 và Nguyễn Lê Ngọc P, sinh năm 2004. Hiện các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Thúy K và ông Nguyễn Văn T đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thúy K là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét

xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Thúy K phải chịu theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thúy K được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Giấy chứng nhận kết hôn số 230 ngày 26/12/2002 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Thúy K và ông Nguyễn Văn T thống nhất xác nhận có 02 con chung đã trưởng thành là Nguyễn Lê Thúy N, sinh năm 2002 và Nguyễn Lê Ngọc P, sinh năm 2004.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Thúy K chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà Lê Thị Thúy K đã nộp theo biên lai thu số 0019510 ngày 30/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Thúy K đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Thúy K và ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 10 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND xã T, TP.HCM;
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Văn Dựa